

CÔNG TY CỔ PHẦN DEVOTED HERMES SOLUTIONS

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DEVOTED HERMES SOLUTIONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEVOTED HERMES SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DEVOTED HERMES SOLUTIONS JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110630205

3. Ngày thành lập: 23/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 303, Tầng 3, tòa nhà Indochina Plaza Hanoi, số 241 đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0342512528

Fax:

Email: dhstoancau@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ đầu giá)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; -Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; -Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; -Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; -Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; -Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc -Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) ; -Bán buôn trang thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
30.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
31.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
32.	Dịch vụ đóng gói	8292
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án, Dịch vụ lấy lại tài sản, Hoạt động đấu giá độc lập)	8299
34.	Lập trình máy vi tính	6201
35.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

36.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
37.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
38.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
39.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, Môi giới bất động sản	6820
42.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
43.	Quảng cáo	7310
44.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
45.	Cho thuê xe có động cơ	7710
46.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690(Chính)
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
53.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
54.	In ấn	1811
55.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
56.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
57.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
58.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
59.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
60.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
61.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
62.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
63.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đấu giá)	4774
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791

65.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
66.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
67.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
68.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
69.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
71.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
72.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
73.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
74.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
78.	Bốc xếp hàng hóa	5224
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
82.	Cơ sở lưu trú khác	5590
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
85.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
86.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
87.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm)	7810
88.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
89.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	7830
90.	Đại lý du lịch	7911

91.	Điều hành tua du lịch	7912
92.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
93.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
94.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
95.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
96.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
97.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
98.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
99.	Thu gom rác thải độc hại	3812
100.	Tái chế phế liệu	3830
101.	Xây dựng nhà để ở	4101
102.	Xây dựng nhà không để ở	4102
103.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
104.	Xây dựng công trình điện	4221
105.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
106.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
107.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
108.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
109.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
110.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
111.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
112.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
113.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
114.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
115.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
116.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
117.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ thuốc - Bán lẻ trang thiết bị y tế	4772

118.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
------	---	------

6. **Vốn điều lệ:** 32.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.200.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TIỀN QUYẾT	Khu Hồ Ngọc Lân, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	320.000	3.200.000.000	10,000	0270830112 25	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	320.000	3.200.000.000	10,000		
2	ĐỖ HOÀI SON	Khu Triều Thôn, Phường Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	848.000	8.480.000.000	26,500	0270820095 27	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	848.000	8.480.000.000	26,500		

3	ĐỖ THANH HÀ	Khu Triều Thôn, Phường Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.032.0 00	20.320.000.000	63,500	0270850077 08
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.032.0 00	20.320.000.000	63,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN QUYẾT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027083011225

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu Hồ Ngọc Lân, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu Hồ Ngọc Lân, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội